

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS*

*(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 04 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm dây cáp điện - CADIVI**
Laboratory: Electric Cable Testing Laboratory – CADIVI

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty CP dây cáp điện Việt Nam**
Organization: Vietnam Electric Cable Corporation

Số hiệu/ Code: **VILAS 745**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện – Điện tử**
Field: Electrical - Electronic

Người quản lý: **Nguyễn Hòa Bình**
Laboratory manager Nguyen Hoa Binh

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /04/2026 đến ngày /04/2031**

Địa chỉ: **70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam**
Address: 70-72 Nam Ky Khoi Nghia, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa điểm: **16 Nguyễn Biểu, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam**
Location: 16 Nguyen Bieu, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **(+84.28) 3829 9443 (ext. 141)**

E-mail: **cadivi@cadivi.vn**

Website: **https://cadivi.vn/**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 745

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical – Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không <i>Round wire concentric lay overhead electrical stranded conductors</i>	Kiểm tra số sợi nhôm/thép <i>Check the number of Aluminum (Al)/ Steel wires</i>		TCVN 6483:1999 IEC 61089:1991/ Amd:1997 ASTM B231/B231M-23 ASTM B232/B232M-24
2.		Đo chiều xoắn, bội số bước xoắn <i>Measurement of direction, layer</i>	1 mm/ (0 ~ 1500) mm	
3.		Đo đường kính sợi nhôm/thép <i>Measurement of diameter Aluminum (Al)/ Steel wires</i>	0,001 mm/ (0 ~ 25) mm	
4.		Đo suất kéo đứt sợi nhôm/thép <i>Measurement of tensile strength Aluminum (Al)/ Steel wires</i>	0,01 N/(0 ~ 5) kN 0,1 N/(0 ~ 50) kN	
5.		Đo độ giãn dài sợi dẫn <i>Measurement of elongation of wires</i>	0,001 mm/ (0 ~ 1000) mm	
6.		Đo ứng suất khi giãn 1% sợi thép <i>Measurement of tensile stress of steel wire at 1% elongation</i>	0,01 mm/ (0 ~ 1000) mm (0 ~ 50) kN	
7.		Đo lực kéo đứt toàn bộ dây dẫn <i>Measurement of tensile breaking strength of conductors</i>	(0 ~ 50) kN	
8.		Đo điện trở 1 chiều của 1 km dây dẫn ở 20°C <i>Measurement of DC resistance of 1 km conductor at 20°C</i>	0,0001 mΩ/ (0 ~ 30) kΩ	
9.	Cáp cách điện bằng Polyvinyl chlorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V	Kiểm tra sự phù hợp với các yêu cầu về kết cấu <i>Checking compliance with constructional provisions</i>		TCVN 6610-1:2014 IEC 60227-1:2024 TCVN 6610-2:2007 IEC 63294:2021 TCVN 6612:2007 IEC 60228:2023
10.	Polyvinyl chloride insulated cables of rated voltages up to and including 450/750 V	Đo điện trở 1 chiều của 1 km dây dẫn ở 20°C <i>Measurement of DC resistance of 1 km conductor at 20°C</i>	0,0001 mΩ/ (0 ~ 30) kΩ	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 745

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
11.	Cáp cách điện bằng Polyvinyl chlorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V <i>Polyvinyl chloride insulated cables of rated voltages up to and including 450/750 V</i>	Đo chiều dày cách điện <i>Measurement of thickness of insulation</i>	0,001 mm/ (0 ~ 100) mm	TCVN 6610-1:2014 IEC 60227-1:2024 TCVN 6610-2:2007 IEC 63294:2021 TCVN 6610-3:2000 IEC 60227-3:2024 TCVN 6610-4:2000 IEC 60227-4:2024 TCVN 6610-5:2014 IEC 60227-5:2024 TCVN 6614-1-1:2008
12.		Đo chiều dày vỏ bọc <i>Measurement of thickness of sheathed</i>	0,001 mm/ (0 ~ 100) mm	
13.		Đo suất kéo đứt cách điện <i>Measurement tensile strength of insulation</i>	0,01 N/ (0 ~ 5) kN	TCVN 6610-1:2014 IEC 60227-1:2024 TCVN 6610-3:2000 IEC 60227-3:2024 TCVN 6610-4:2000 IEC 60227-4:2024 TCVN 6610-5:2014 IEC 60227-5:2024 TCVN 6614-1-1:2008
14.		Đo độ giãn dài cách điện <i>Measurement of elongation of insulation</i>	0,001 mm/ (0 ~ 1 200) mm	
15.		Đo suất kéo đứt vỏ bọc <i>Measurement of tensile strength of sheathed</i>	0,01 N/ (0 ~ 5) kN	
16.		Đo độ giãn dài vỏ bọc <i>Measurement of elongation of sheathed</i>	0,001 mm/ (0 ~ 1 200) mm	
17.	Cáp có cách điện dạng đùn có điện áp danh định từ 1 kV (U_m=1,2 kV) đến 30 kV (U_m= 36 kV) <i>Power cables with extruded insulation for rate voltages from 1 kV (U_m = 1,2 kV) to 30 kV (U_m = 36 kV)</i>	Kiểm tra số sợi dẫn <i>Check the number of conductor wire</i>		TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013 TCVN 6612:2007 IEC 60228:2023
18.		Kiểm tra phân loại ruột dẫn <i>Check classification of conductor</i>		
19.		Đo điện trở 1 chiều của 1km dây dẫn ở 20°C <i>Measurement of DC resistance of 1 km conductor at 20°C</i>	0,0001 mΩ/ (0 ~ 30) kΩ	
20.		Đo chiều dày cách điện <i>Measurement of thickness of insulation</i>	0,001 mm/ (0 ~ 100) mm	TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013 TCVN 6614-1-1:2008
21.		Đo suất kéo đứt cách điện <i>Measurement of tensile strength of insulation</i>	0,01N/ (0 ~ 5) kN	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 745

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
22.	Cáp có cách điện dạng đùn có điện áp danh định từ 1 kV (U_m=1,2 kV) đến 30 kV (U_m= 36 kV) <i>Power cables with extruded insulation for rated voltages from 1 kV (U_m=1,2 kV) to 30 kV (U_m=36 kV)</i>	Đo độ giãn dài cách điện <i>Measurement of elongation of insulation</i>	0,001 %	TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013 TCVN 6614-1-1:2008
23.		Đo chiều dày vỏ bọc <i>Measurement of thickness of sheathed</i>	(0,001 ~ 100) mm	
24.		Đo suất kéo đứt vỏ bọc <i>Measurement of tensile strength of sheathed</i>	0,01 N/mm ²	
25.		Đo độ giãn dài vỏ bọc <i>Measurement of elongation of sheathed</i>	0,001 %	
26.	Cáp điện vặn xoắn cách điện XLPE điện áp làm việc đến 0,6/1 kV <i>Electric cables-XLPE insulated - aerial bundled for working voltages up to 0,6/1 kV</i>	Kiểm tra số sợi dẫn <i>Check the number of conductor wire</i>		TCVN 6447-1998 TCVN 5936-1995
27.		Xác định dạng ruột dẫn <i>Determination of conductor</i>		
28.		Đo điện trở 1 chiều của 1 km dây dẫn ở 20°C <i>Measurement of DC resistance of 1 km conductor at 20°C</i>	0,0001 mΩ/ (0 ~ 30) kΩ	
29.		Đo lực kéo đứt ruột dẫn <i>Measurement of breaking load of conductor</i>	0,01 N/ (0 ~ 5) kN	
30.		Đo đường kính ruột dẫn <i>Measurement of diameter of conductor</i>	0,01 mm/ (0 ~ 150) mm	
31.	Cáp điện vặn xoắn cách điện XLPE điện áp làm việc đến 0,6/1 kV <i>Electric cables-XLPE insulated - aerial bundled for working voltages up to 0,6/1 kV</i>	Đo chiều dày cách điện <i>Measurement of thickness of insulation</i>	0,001 mm/ (0 ~ 100) mm	TCVN 6447-1998 TCVN 5936-1995
32.		Đo suất kéo đứt cách điện <i>Measurement of tensile strength of insulation</i>	0,01 N/ (0 ~ 5) kN	
33.		Đo độ giãn dài cách điện <i>Measurement of elongation of insulation</i>	0,001 mm/ (0 ~ 1 200) mm	
34.		Đo đường kính lõi cáp <i>Measurement of diameter of core cable</i>	0,01 mm/ (0 ~ 150) mm	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 745

Chú thích/Note:

- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *ASTM International (American Society for Testing and Materials)*;
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*;
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế / *International Electrotechnical Commission*;
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *National Vietnam Standard*.

Trường hợp Công ty CP dây cáp điện Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty CP dây cáp điện Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vietnam Electric Cable Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

